

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2020/DS-PT

Ngày: 14 -7 -2020

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất  
và yêu cầu được sử dụng lối đi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Thủy.

*Các Thẩm phán:* +Bà Trần Thị Thu Hằng;

+Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất và yêu cầu được sử dụng lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019)

*- Bị đơn:*

1. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1960;

2. Anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1961;

2. Anh Phạm Nguyễn Tr, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

3. Anh Phạm Nguyễn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H; bị đơn ông Phạm Minh C.

Có mặt bà L, ông C, anh A. Vắng bà M, anh Tr, anh H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Theo án sơ thẩm;**

*-Nguyên đơn - bà Lê Thị Mỹ H trình bày:*

Nguồn gốc đất của cha mẹ bà cho sử dụng trước năm 1975 có phần lối đi. Năm 1997 bà được cấp quyền sử dụng đất thửa số 286, diện tích 1740m<sup>2</sup>. Năm 2013 khi có chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua kiểm tra thửa 286 mới biết chưa được cấp quyền sử dụng phần đất lối đi. Nên khi đoàn đo đạc Vlap đo đất cấp đổi giấy thì bà yêu cầu đo luôn phần đất lối đi để cấp giấy mới, thửa 179, diện tích 2634,8m<sup>2</sup> thì xảy ra tranh chấp với ông C và anh A, vì ông C và anh A cho rằng phần đất lối đi không phải của bà H, nên không ký giáp ranh, do đó đến nay bà H chưa được cấp đổi giấy đất mới.

Ngày 06/7/2017, Ủy ban nhân dân xã B có mời một số người dân họp tại nhà ông Nguyễn Văn Th để xác minh nguồn gốc đất lối đi, những người được mời đều xác nhận đất lối đi là của gia đình bà.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ đất lối đi có diện tích đo 283,6m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng đất của bà.

Quá trình sử dụng lối đi bà có bỏ chi phí san lấp tổng cộng 50.000.000 đồng. Tháng 10/2013 bà xây bờ kè dọc lối đi để chống sạt lở, tổng cộng 100.000.000 đồng. Khi xây bờ kè, ông C và anh A không ý kiến gì. Bà H thống nhất giá đất 100.000 đồng/m<sup>2</sup>. Bà đồng ý cho hộ ông C tiếp tục sử dụng lối đi nhưng trong phạm vi chiều dài từ đầu lối đi giáp đường bê tông đến đầu đất của ông C giáp anh A với điều kiện ông C phải trả lại bà số tiền san lấp lối đi là 100.000.000 đồng.

*-Bị đơn -ông Phạm Minh C trình bày:*

Lối đi đã có trước năm 1975, gia đình bà H, ông C và một số hộ dân cùng sử dụng. Phần đất lối đi không có cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà H. Khi đoàn Vlap đo đất cấp đổi giấy thì bà H yêu cầu đo luôn phần đất lối đi để cấp quyền sử dụng cho bà H nên xảy ra tranh chấp. Vì trước nay đất ông C, anh A chỉ giáp đất ông Th, ông T, nên phần đất lối đi không phải của bà H.

Ông xác định ranh đất như bản vẽ đo, không đồng ý công nhận phần đất lối đi thuộc quyền sử dụng của bà H.

Bà H có chi phí san lấp và xây bờ kè với tổng số tiền thống nhất như bà H trình bày. Thống nhất giá đất là 100.000 đồng/m<sup>2</sup>. Khi bà H xây bờ kè là để chống sạt lở lối đi nên ông không có ý kiến gì.

Ông không yêu cầu gì về bờ kè trên đất. Yêu cầu được tiếp tục sử dụng lối đi và đồng ý trả bà H số tiền chi phí san lấp là 5.000.000 đồng. Bởi vì đất của hộ gia đình ông nằm phía trong, không có lối đi nào khác. Không phải chỉ có ông C sử dụng lối đi mà còn có hộ bà H, chị L, hộ ông T, các con ông T cùng sử dụng nên ông không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà H vì yêu cầu đó quá cao.

*-Bị đơn - anh Phạm Ngọc A trình bày:*

Anh thống nhất như ông C trình bày. Nhà và đất của anh A nằm phía ngoài nên anh A sử dụng lối đi không thường xuyên. Ở vị trí lối đi thì đất anh A chỉ giáp đất ông Th, nên xác định phần đất lối đi không phải của gia đình bà H, nên không đồng ý công nhận quyền sử dụng đất lối đi của bà H. Khi bà H xây bờ kè là để chống sạt lở lối đi, nên anh A không có ý kiến gì. Anh A không yêu cầu gì về bờ kè trên đất.

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Nguyễn Tr và anh Phạm Nguyễn H thống nhất trình bày như ông C, không có yêu cầu gì khác.*

\*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 254, Điều 357 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H.
2. Công nhận phần đất diện tích 154,2m<sup>2</sup>, tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Mỹ H, có vị trí: Đông giáp hộ bà Lê Thị Mỹ H, Tây giáp đường Kênh Nghĩa trang H, Nam giáp hộ ông Phạm Minh C và anh Phạm Văn A, Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Hùng Minh H), có bản vẽ kèm theo.

Khi án có hiệu lực pháp luật bà Lê Thị Mỹ H được quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ H về việc công nhận phần đất diện tích 129,4m<sup>2</sup>, tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Mỹ H.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Minh C.

Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ H phải cho hộ ông Phạm Minh C tiếp tục sử dụng lối đi trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H, với chiều dài từ đường Kênh Nghĩa trang H, Nam giáp hộ ông Phạm Minh C và anh Phạm Văn A, Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Hùng Minh H), có bản vẽ kèm theo.

Buộc ông Phạm Minh C trả tiền đền bù sử dụng đất lồi đi cho bà Lê Thị Mỹ H là 10.000.000 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

\*Ngày 25/7/2019, bị đơn ông Phạm Minh C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Không công nhận quyền sử dụng đất lồi đi là của bà Lê Thị Mỹ H cũng như việc giới hạn đi lại của ông C trên lồi đi đó.

+ Không chấp nhận hoàn tiền bồi thố 10.000.000 đồng cho bà H như án sơ thẩm đã tuyên.

\*Ngày 07/8/2019, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Công nhận nguyên phần đất có lồi đi ông C, ông A đang tranh chấp là của bà H để bà H được cấp quyền sử dụng.

+ Bà H không cho ông C đi lồi đi này.

+ Nếu Tòa án xử cho ông C sử dụng lồi đi này thì ông C phải phụ tiền bồi thố lồi đi cho bà H là một trăm triệu đồng.

\*Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Ông Lê Minh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Bà Lê Thị Mỹ H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, không đồng ý cho ông Lê Minh C sử dụng lồi đi đang tranh chấp.

-Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

+Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc công nhận 129,4m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng của bà H nhưng không tuyên 129,4m<sup>2</sup> đất này thuộc quyền sử dụng của ai là chưa giải quyết triệt để vụ án. Theo các đương sự trình bày hiện lồi đi tranh chấp có 04 hộ đang sử dụng gồm hộ bà H, hộ bà Hoa, hộ bà L, hộ ông T. Ông T đã cắt chia đất cho các người con của ông T, mỗi người đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và anh H cho rằng phần đất 154,2m<sup>2</sup> mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận cho bà H nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tuất nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục

bổ sung, nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Hủy bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M, anh Phạm Nguyễn Tr, anh Phạm Nguyễn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, anh Tr, anh H theo quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Căn cứ vào “Phụ lục trích đo ngày 31 tháng 10 năm 2018” thì lối đi các bên tranh chấp có diện tích 283,6m<sup>2</sup> tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo bà Lê Thị Mỹ H trình bày lối đi này có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn V (cha của ông Nguyễn Văn Th) hoán đổi cho bà Huỳnh Thị H (mẹ của bà H) từ năm 1968. Năm 1997, nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho bà H thửa số 286, diện tích 1.740m<sup>2</sup> chưa có phần lối đi. Năm 2013, khi có chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua kiểm tra thửa 286 bà H phát hiện chưa được cấp quyền sử dụng phần lối đi, nên yêu cầu đoàn đo đạc Vlap đo luôn phần đất lối đi để cấp giấy mới với số thửa là 179, diện tích 2.634,8m<sup>2</sup> thì xảy ra tranh chấp với ông C và anh A vì ông C và anh A không đồng ý ký giáp ranh để bà H được cấp đổi giấy mới nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận lối đi có diện tích 286,3m<sup>2</sup> nêu trên thuộc quyền sử dụng của bà H; bà H đồng ý cho hộ ông C tiếp tục sử dụng lối đi nhưng ông C phải trả cho bà H chi phí san lấp và xây bờ kè chống sạt lở lối đi là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không đồng ý cho ông C tiếp tục sử dụng lối đi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H có cung cấp chứng cứ là xác nhận của ông Nguyễn Văn Thành (bl 08) có nội dung: Ông Th xác nhận đường đi của bà Lê Thị Mỹ H có từ năm 1968 do gia đình ông Th đổi đất cho bà Huỳnh Thị H, được bà Lê Thị Mỹ H gìn giữ, bồi đắp từ trước đến nay. Đường đi này bề ngang rộng hơn đường xe bò, khoảng 03-3,5 mét nên thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Mỹ H; Biên bản họp dân ngày 06/7/2017, các hộ dân trong đó có ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th xác nhận đường đi này của bà H và bà H cho con là bà Lê Thị Mỹ H; Công văn số 152/CV-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 ghi ý kiến của Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có nội dung: “Ủy ban nhân dân xã B có ý kiến như sau: Qua họp dân khu vực gần đường đi nhà bà Lê Thị Mỹ H và ông Phạm Minh C cư ngụ ấp H, xã B thì có 11 hộ dân tham dự, đa số các hộ dân này có ý kiến con đường này là của cô 5 Hoa mẹ ruột bà Lê Thị Mỹ H sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1950 khẳng định con đường này là của mẹ bà Lê Thị Mỹ H vì trước đây nguồn gốc phần đất này do gia đình ông hoán đổi đất

cho gia đình bà Lê Thị Mỹ H đề thuận tiện cho việc đi lại” (bl 07); Biên bản hòa giải ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã B (bl 09), ông C có ý kiến cho rằng đây là đường đi công cộng để cho mọi người sử dụng chung, trước đây ông có hỏi xin gia đình bà H đi trên con đường này vì tình nghĩa hàng xóm, do đó ông không thống nhất ký giáp ranh để bà H được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về phía ông C có đơn phản tố cho rằng phần đất tranh chấp là lối đi công cộng đã có từ trước năm 1975, gia đình bà H, ông C và một số hộ dân cùng sử dụng nên không cấp quyền sử dụng cho bà H, nhưng khi đoàn Vlap đo đạc để đổi giấy mới thì bà H yêu cầu đo luôn cả lối đi để cấp quyền sử dụng cho bà H thì xảy ra tranh chấp. Vì trước nay đất của ông C chỉ giáp với đất của ông Th, ông T nên lối đi này không phải của bà H. Hiện nay lối đi có các hộ sử dụng gồm hộ ông C, bà H, bà L, ông T, các con của ông T. Ngoài lối đi này hộ ông C không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng nên ông C yêu cầu được tiếp tục sử dụng lối đi và đồng ý trả cho bà H chi phí san lấp là 5.000.000 đồng.

Anh Phạm Ngọc A trình bày thống nhất với lời trình bày của ông C. Nhà và đất của anh A nằm phía ngoài nên anh A sử dụng lối đi không thường xuyên. Ở vị trí lối đi thì đất của anh A chỉ giáp với đất của ông Th nên xác định lối đi tranh chấp không phải của gia đình bà H. Khi bà H xây bờ kè là để chống sạt lở nên anh không có ý kiến gì. Anh A không đồng ý công nhận quyền sử dụng đất lối đi cho gia đình bà H.

Những người làm chứng gồm ông Lê Văn R, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th trình bày lối đi được hình thành từ trước năm 1975 là một lối đi nhỏ, đến nay đã được san lấp cao, rộng hơn là lối đi chung của gia đình bà H, ông C, bà L, ông T, các con ông T nên đề nghị Tòa án cho tiếp tục sử dụng lối đi như từ trước đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày lối đi tranh chấp hiện có các hộ đang sử dụng là hộ bà Huỳnh Thị H, hộ bà Lê Thị Mỹ H, hộ bà Lê Thị Mỹ L, hộ ông Phạm Minh C, hộ ông Nguyễn Văn T.

Theo ông T trình bày ông đã chia đất cho các con gồm anh Nguyễn Huỳnh Thanh Th, anh Nguyễn Hùng Trí H, anh Nguyễn Hùng Nhựt Th, anh Nguyễn Hùng Minh S, anh Nguyễn Hùng Minh H, những người này đã được cấp giấy riêng, ngoài lối đi đang tranh chấp, các hộ không có lối đi nào khác để ra đường công cộng, nên việc Tòa án công nhận quyền sử dụng đất lối đi cho bà Lê Thị Mỹ H sẽ làm ảnh hưởng đến việc đi lại của các hộ dân phía trong.

Ông T và anh H còn cho rằng 154,2m<sup>2</sup> đất mà Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng cho bà H nằm trong diện tích đất Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, vào sổ cấp giấy số 00375-HD QSDĐ ngày 13/8/1997 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T và những người con của ông T vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố

tụng, đề nghị Tòa án đưa những người này vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Mỹ L đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mỹ H cho rằng thửa 286 của bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00148-HBQSDĐ ngày 13 tháng 8 năm 1997 có diện tích 1.740m<sup>2</sup>. Đo đạc theo dự án Vlap tăng lên thành 2.634,8m<sup>2</sup> (thửa 179) là do cộng thêm diện tích đất hoán đổi với ông Nguyễn Văn V lồi và diện tích đất bà H được cha mẹ chia thêm nhưng bà L không biết phần đất bà H được chia thêm và phần đất hoán đổi với ông V có diện tích bao nhiêu, nằm ở thửa nào.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót như chưa điều tra làm rõ ông V và bà H có kê khai diện tích đất hoán đổi hay không? nếu có thì diện tích hoán đổi ở thửa nào? diện tích và vị trí ra sao? Sau khi hoán đổi đất với ông V, bà H có chia thêm đất cho bà H như lời trình bày của bà L tại phiên tòa hay không? diện tích đất bà H được chia thêm là bao nhiêu, thửa số mấy? vì sao diện tích đất của bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00148-HB QSDĐ ngày 13/8/1997 là 1.740m<sup>2</sup> (thửa 286) nhưng khi đo đạc theo dự án Vlap lại tăng lên thành 2.634,8m<sup>2</sup> (thửa 179), dư 894,8m<sup>2</sup> trong khi lồi đi tranh chấp chỉ có 283,6m<sup>2</sup>.

Ông C và anh A, ông T và một số người làm chứng như ông R, bà Th cho rằng lồi đi tranh chấp là lồi đi công cộng hình thành trước năm 1975 gồm nhiều hộ sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ hoặc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện G có văn bản trả lời lồi đi tranh chấp có phải là lồi đi công cộng hay không để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hộ ông T và những hộ đang sử dụng lồi đi tranh chấp vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng; chưa xác minh làm rõ phần diện tích 154,2m<sup>2</sup> đất công nhận cho bà H có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T hay không.

Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc công nhận 129,4m<sup>2</sup> đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà H nhưng không tuyên xử 129,4m<sup>2</sup> này thuộc quyền sử dụng của ai là chưa giải quyết triệt để vụ án.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

Do hủy án sơ thẩm nên hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông C và bà H.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với những nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do hủy án nên ông C và bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 131/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án theo quy định.

2/- Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Phạm Minh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Minh C 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 46969 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/7/2020, có mặt bà L, ông C, ông A.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thu Thủy**